

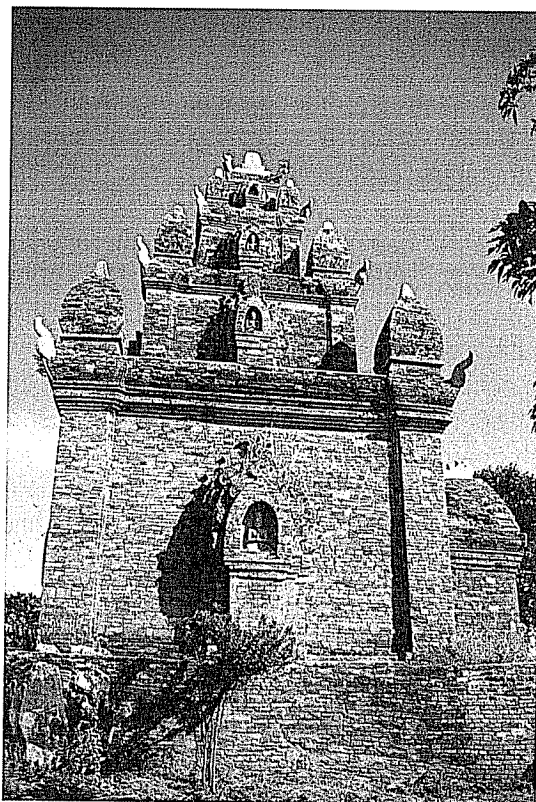
Nghệ thuật dân gian Chăm,

một di sản văn hoá phi vật thể quý báu cần bảo tồn và phát huy

TS. PHAN QUỐC ANH*

Nếu như Khu di sản văn hoá thế giới Mỹ Sơn hấp dẫn các nhà khoa học và khách du lịch bởi những phế tích của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc Chăm pa cổ, thì vùng đất Ninh - Bình Thuận (Panduranga) cũng đầy sức hấp dẫn, bởi đây là một bảo tàng sống về cộng đồng người Chăm, nơi đang lưu giữ một kho tàng di sản văn hoá dân gian Chăm đặc sắc.

Người Chăm ở Việt Nam hiện nay có khoảng trên 80 ngàn, sống tập trung chủ yếu ở Ninh Thuận (gần 60 ngàn), số còn lại sống rải rác ở các tỉnh Bình Thuận, An Giang, Phú Yên và thành phố Hồ Chí Minh. Do có số lượng đông và sống tụ cư lâu đời nên mọi sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng cũng như kho tàng văn hoá dân gian của người Chăm còn bảo lưu được chủ yếu ở Ninh Thuận, Bình Thuận.



Tháp Chăm- Ảnh: Đình Thành

Chủ thể sáng tạo của nền nghệ thuật dân gian Chăm là nhân dân lao động, trước hết là của cộng đồng người Chăm Ahiér (Chăm theo Bàlamôn giáo) và sau đó là của cộng đồng người Chăm Awal (người Chăm Bà ni - Hồi giáo bản địa hoá). Hàng nghìn năm trước, ngay từ khi lập quốc, Cham-pa đã tiếp nhận Bàlamôn giáo và sau này là Ấn Độ giáo.. Thế nhưng, Bàlamôn giáo với sự phân biệt đẳng cấp

nặng nề chỉ đến được với những tầng lớp trên (Brahman: Tầng lớp tu sĩ, tầng lữ Bàlamôn và vua chúa; Ksyattriya: Tầng lớp quý tộc, vương phái, võ sỹ), hình thành nên văn hoá "cung đình" Chăm, mà di sản để lại là nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Chăm (khu di tích Mỹ Sơn và hệ thống đền, tháp rải khắp miền Trung Việt Nam). Còn người dân lao động (đẳng cấp Vaiđya: Tầng lớp bình dân và Sudra: cùng đình, một mặt phải tuân thủ các hình thức tế tự của

* PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ VH-TT NINH THUẬN

Bàlamôn, mặt khác vẫn giữ được những truyền thống văn hoá bản địa). Khi vương quyền và thần quyền của nhà nước Champa không còn nữa, thì văn hoá Ấn Độ nhanh chóng được bản địa hoá. Vì vậy, nghệ thuật dân gian Chăm vừa mang gốc từ các tôn giáo Ấn Độ, vừa mang những truyền thống bản địa của cư dân nông nghiệp Đông Nam Á. Về sau này (sau thế kỷ XI), người Chăm tiếp nhận thêm Hồi giáo từ Indonesia, nhưng cũng như Bàlamôn giáo, Hồi giáo ở người Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận cũng nhanh chóng bị bản địa hoá (trở thành văn hoá của cộng đồng người Chăm Bàni). Sự dung hội văn hoá từ nhiều nguồn khác nhau đã được người dân Chăm chọn lọc, giữ lại những gì phù hợp, loại bỏ dần những gì không phù hợp, hình thành nên một kiểu thức văn hoá tôn giáo địa phương. Có thể nói, kho tàng văn hoá truyền thống của người Chăm hiện nay là sự dung hội văn hoá cung đình Chăm, là sự dung hội có chọn lọc giữa những yếu tố nội sinh (truyền thống bản địa) và yếu tố ngoại sinh từ đa nguồn, trong đó chủ yếu là văn hoá Ấn Độ. Những điều kiện lịch sử, văn hoá, xã hội ấy đã hình thành nên những giá trị văn hoá Chăm đặc sắc, là di sản văn hoá quý báu của người Chăm nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Trong suốt quá trình lịch sử, người Chăm đã sáng tạo nên một nền văn hoá cao, nền nghệ thuật dân gian đặc sắc. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc Chăm, cùng với Giava và Khơ me được đánh giá là một trong ba nền nghệ thuật đặc sắc ở Đông Nam Á, mang tầm cỡ thế giới. Ngoài những giá trị văn hoá vật thể như hệ thống đền đài, tháp cổ, những bức phù điêu, tượng đá, bia ký, cộng đồng người Chăm hiện nay đang lưu giữ những giá trị văn hoá phi vật thể cổ truyền đa dạng, phong phú. Đó là kho tàng truyện cổ dân gian, ca dao tục ngữ, thành ngữ, câu đố và đặc biệt là kho tàng dân ca, dân vũ, nhạc lễ, hát cúng quyện với hệ thống nhạc cụ đa dạng và độc đáo, là nguồn tài nguyên quý giá và nguồn cảm hứng cho sự phát triển sáng tạo nên nghệ thuật hôm nay.

Mặc dù trải qua bao thăng trầm của lịch sử, bị lớp bụi thời gian phủ lấp, cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ kéo dài, ác liệt đã hủy diệt bao đền đài, tháp cổ và cả những giá trị văn hoá phi vật thể khác, nhưng nghệ thuật dân gian Chăm như những viên ngọc quý vẫn

âm thầm tồn tại trong cộng đồng tộc người nhờ vào môi trường lễ hội. Những giá trị văn hoá ấy trước đây chỉ tồn tại trong các lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng, do đó không phổ biến, phát triển và bị rơi rụng, mai một đi nhiều. Sau khi đất nước được giải phóng, với đường lối chủ trương chính sách đúng đắn của Đảng về văn hoá dân tộc, văn hoá Chăm bắt đầu được chú trọng đầu tư sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy. Ngoài việc kiểm kê, trùng tu, bảo tồn hệ thống đền đài, tháp cổ thì văn hoá phi vật thể, trong đó có nghệ thuật dân gian cũng được sưu tầm nghiên cứu nhằm duy trì và phát triển. Hệ thống lễ hội được khôi phục và kèm theo đó là sự phục hồi các đội nhạc lễ, múa lễ và hát lễ. Nghệ thuật dân gian Chăm không chỉ bó hẹp trong các nghi lễ, mà đã bước vào đời sống sinh hoạt văn hoá văn nghệ quần chúng cùng với sự hình thành các đội ca, múa, nhạc ở các palay Chăm trong các phong trào xây dựng hợp tác xã, các đoàn thể và phong trào xây dựng làng văn hoá.

Các nhà nghiên cứu nghệ thuật sớm thấy được những giá trị quý báu của nghệ thuật dân gian Chăm. Ngay từ đầu những năm 80, Viện Âm nhạc - Múa thành phố Hồ Chí Minh và Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Thuận Hải triển khai thực hiện các công trình nghiên cứu về âm nhạc, múa dân gian Chăm. Sở Văn hoá - Thông tin Thuận Hải phối hợp với Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh điều tra sưu tầm, nghiên cứu và xuất bản công trình khoa học "Người Chăm ở Thuận Hải". Từ năm 1991 đến 1996, Sở Văn hoá - Thông tin Ninh Thuận đã triển khai và hoàn thành công trình khoa học về lễ hội Chăm, PGS.TS Ngọc Canh với cuốn "Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Chăm" đã thu thập và hệ thống các tư liệu về nghệ thuật biểu diễn dân gian Chăm. Sở Văn hoá - Thông tin Ninh Thuận năm 1995 đã cho xuất bản cuốn "Nhạc cụ truyền thống Chăm", đồng thời tiến hành ghi âm, ghi hình những điệu trống ghinăng, những làn điệu dân ca, kỹ thuật biểu diễn của các nghệ nhân Chăm. Việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Chăm và Đoàn Nghệ thuật Dân gian Chăm Ninh Thuận đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc sưu tầm, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả văn hoá truyền thống Chăm vào sự nghiệp văn hoá nghệ thuật hôm nay.

Ở lĩnh vực văn hoá phi vật thể, âm nhạc luôn gắn chặt với múa trong các nghi lễ dân gian và nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng như lễ cầu mưa, lễ hội Katé, lễ Rijanuwgar, lễ Yỗn yang, lễ nhập kút... Trước đây, âm nhạc và múa đều mang đậm tính thiêng, chỉ để phục vụ nghi lễ, không được sử dụng làm chức năng vui chơi giải trí có tính chất trần tục. Hệ thống nhạc cụ Chăm tương đối phong phú và đủ các bộ cho một dàn nhạc. Bộ gõ có trống paranung, trống ghinăng, chiêng, chũm chọe, đàn đá, mõ, kàrông (dây lục lạc); bộ dây có đàn kanhi (nhị mu rùa), đàn chãmpi, bộ hơi có kèn saranai, tù và bằng sừng trâu, khèn bầu, sáo... Các vị chức sắc giải thích rằng, những nhạc cụ chính trong dàn nhạc lễ Chăm là biểu tượng của một thể thống nhất các bộ phận của vị thần. Trong đó, kèn saranai là biểu tượng cho phần đầu, trống paranung là phần bụng (ôm vào bụng ngồi vỗ), đôi trống ghinăng là hai chân (luôn để bắt chéo và ngồi biểu diễn, một tay vỗ vào mặt trống phía trên và một tay cầm dùi để đánh phía dưới).

Nếu so sánh với những nhạc cụ thể hiện trên các mảng điêu khắc của người Chăm còn lại đến hôm nay, chúng ta thấy đã thất truyền một số nhạc cụ như sáo dài nhiều lỗ, đàn "harpe", trống lớn, trống nhỏ hagar. Người Chăm đang lưu giữ một kho tàng dân ca với những làn điệu, cung bậc có quan hệ mật thiết với dân ca người Việt. Nhiều điệu hát trữ tình, đậm thắm như "Thay mai" (Ai đến phía xa), "Ainich lo", "Lekdiphik", hay những làn điệu như "Dohdamdara" (hát đối đáp), Klaymrailopan (sợi chỉ đủ màu) đều mang những âm hưởng trữ tình, đặc sắc. Người Chăm còn có các làn điệu Ariya, là hình thức hát trường ca theo dạng kể chuyện, hát lối bằng thơ và có một kho tàng các làn điệu hát ru. Kho tàng nhạc lễ, hát lễ được các tu sĩ Balamôn lưu truyền và hát ở các nghi lễ, đây là nhạc lễ có nguồn gốc tôn giáo Balamôn từ Ấn Độ xa xưa: "Trong kinh Vêđa từ thế kỷ XX trước công nguyên có "Samma Vêđa" là tập ca khúc dùng để hát xướng khi cúng bái, tổng cộng 1549 bài, nội dung chủ yếu của Phuốc Vêđa là nói rõ trong khi cúng tế nên dùng các thi ca này và tiến hành cúng tế như thế nào".

Trong các lễ hội Chăm đều có múa. Múa Chăm luôn đi đôi với âm nhạc, tên các tiết điệu trống, đồng thời cũng là tên các điệu múa.

NSND Đặng Hùng đã tổng kết: "Múa và âm nhạc Chăm luôn đồng điệu với nhau giữa đồng tác và nhịp trống, điệu nhạc Pidiêng thì có động tác múa Pidiêng, điệu trống Patra thì có điệu múa Patra, điệu trống Tiong thì có múa Tiong". Những phong cách múa truyền thống Chăm đã được thể hiện trên các mảng điêu khắc Vũ nữ Trà Kiệu (Apsara) và các tượng thần Ấn Độ giáo như Siva, Uma, Brahma, Visnu... Để hiểu và để có những tác phẩm văn hóa đích thực phát triển từ tâm hồn Chăm, các nhà nghiên cứu cần đi sâu tìm hiểu, tín ngưỡng của di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, từ những điệu múa thiêng như các điệu múa phồn thực cầu mưa trong lễ Rija nugar, múa lên đồng đập lửa của ông bóng (On kaing), bà bóng (Muk rija và Muk Pajau), múa chèo thuyền (Potanghoh) trong các nghi lễ như Rija Nugar, Rija praung, Rija djau, Rija haray v.v... Những ai đã từng dự lễ nhập kút của người Chăm Balamôn sẽ được sống trong không gian riêng, sẽ có cảm giác bị "hút hồn" bởi nghệ thuật tạo hình và của âm nhạc, múa thiêng. Trong đêm khuya, giữa nghĩa địa lập loè những ngọn nến, một dòng văn hoá phi vật thể tràn dâng trong tiếng trống ghi nằng dồn dập, tiếng kèn saranai réo rắt và tiếng đàn kanhi nỉ non, bà bóng dòng tộc (Muk rija) múa lên đồng giao tiếp với thần linh, từ điệu múa tiễn biệt các linh hồn (Khú tãnk păt) về với tổ tiên đến màn múa mừng (Mujã thuonh) cho những linh hồn mới đã gặp những linh hồn cũ ở thế giới tổ tiên. Sau khi bà bóng múa, thầy cả sư, các vị chức sắc rời tất cả mọi người cùng đứng lên múa mừng v.v... Tiếc rằng, cho đến nay, chưa mấy người đi sâu nghiên cứu về lĩnh vực phi vật thể này.

Nghệ thuật dân gian Chăm là một kho tư liệu quý báu của các nghệ sĩ cổ kim sáng tạo. Với đường lối văn hoá, văn nghệ đúng đắn của Đảng, những giá trị đó đã được sưu tầm, bảo tồn và phát huy. Sự hình thành Đoàn nghệ thuật dân gian Chăm Bắc Bình với những nghệ nhân, diễn viên người Chăm cũng như nhà trưng bày nghệ thuật Chăm Ninh Thuận là điều kiện tốt để khai thác bảo lưu kho tư liệu quý giá này, làm nơi sưu tầm khai thác và cung cấp tư liệu truyền thống dân tộc cho sự phát triển văn hoá nghệ thuật chuyên nghiệp hiện tại ở nơi đây. Có thể tạm lấy ví dụ từ sự thành công của Nghệ sĩ Nhân dân Trọng Hùng, ông đã đúc kết

tâm huyết của mình trong cuốn sách: *"Bước đầu tìm hiểu, phục hồi múa cung đình Chăm"*. Rồi những tác phẩm múa như: "Siva", "Vũ nữ Trà Kiệu", "Khát vọng"; "Ước mơ"; "Múa quạt"; "Đoa pụh" (đội nước) v.v... nổi tiếng, đều được NSND Đặng Hùng bắt nguồn từ ngôn ngữ, động tác dân gian trong lễ hội Chăm và khai thác, phát triển từ những tác phẩm điêu khắc trên tháp của văn hoá Chăm. Nhiều nhà biên đạo, nhạc sĩ, hoạ sĩ, nghệ sĩ biểu diễn đã thành danh từ bầu sữa văn hoá dân gian Chăm như biên đạo Thọ Thái với các tác phẩm múa *"Tượng tháp Siva"*, *"Apsara, vũ nữ Chăm"*, Nghệ sĩ ưu tú Thu Vân với tác phẩm múa Chăm thành công, như *"Amaravati"*. Nghệ sĩ ưu tú Minh Mẫn, nghệ sĩ ưu tú Kim Hương trở nên nổi tiếng bởi những bài dân ca Chăm. Nhạc sĩ Amur Nhân đã sử dụng những âm hưởng dân gian, để nâng cao, làm đẹp thêm những làn điệu dân ca vùng đất tháp và có những tác phẩm nhiều giá trị như *"Làng Chăm ơn Bác"*, *"Apsara-Vũ nữ Chăm"*, *"Tiếng trống Hội Katê"*, *"Xuân về trên tháp cổ"* v.v... Nhạc sĩ Thế Bảo với ca khúc "Em cưới anh về, A nhu ơi!", nhạc sĩ Hoài Sơn với ca khúc "Siva Katê", nhạc sĩ Phan Quốc Anh với ca khúc "Tháp Năng" v.v... tất cả đã gặt hái được những thành công là nhờ vào việc sử dụng những chất liệu của văn hóa dân gian hữu và vô thể Chăm.

Tuy nhiên, hiện nay có một xu hướng rất cần được bàn thảo, đó là hiện tượng nhiều nhà nghiên cứu và cả nhà biên đạo sáng tác những tác phẩm bằng cách biến tấu từ các phù điêu, tượng đá, hoá thân thành những vũ nữ bằng xương bằng thịt bước ra khỏi đền đài tháp cổ, như múa "Siva" (biên đạo Đặng Hùng), Apsara, vũ nữ Chăm (biên đạo Thọ Thái) với nhiều động tác, hình tượng mô phỏng các tự thể dáng dấp của các vị thần Ấn Độ giáo, nhưng lại chưa tìm hiểu kỹ về tín ngưỡng tôn giáo liên quan. Thậm chí, trang phục và các động tác của các vũ nữ bị cách điệu không đảm bảo được tín ngưỡng thờ cúng thần linh của người Chăm và đã từng bị các nhà nghiên cứu văn hoá người Chăm lên tiếng phản đối. Gần đây, một số đoàn nghệ thuật từ Trung ương đến địa phương, từ chuyên nghiệp đến không chuyên, dàn dựng nhiều tác phẩm múa Chăm, nhưng không dựa trên ngôn ngữ cơ bản của dân gian Chăm mà do các biên đạo, nhạc sĩ tự "nghĩ ra", mới hoàn toàn. Điều

ngịch lý là đa số những tác phẩm này lại thường đoạt giải cao, vì có thể các giám khảo cũng không am tường thấu đáo về nghệ thuật dân gian Chăm. Do vậy, theo chúng tôi, cần có những công trình khoa học chuyên ngành nghiên cứu sâu và phổ biến rộng rãi các lĩnh vực của nghệ thuật dân gian Chăm (và của cả các tộc người thiểu số khác ở Việt Nam). Trong đó, cần chú trọng đến yếu tố "thiêng" trong tín ngưỡng tôn giáo của từng tộc người. Có như vậy, chúng ta mới bảo tồn và phát huy đúng hướng về di sản văn hoá nghệ thuật dân gian các tộc người.

Nhìn chung, chúng ta đã chú trọng vào việc khai thác, nghiên cứu, bảo lưu và ứng dụng văn hoá nghệ thuật dân gian Chăm vào nền nghệ thuật phục vụ cuộc sống mới hôm nay, nhưng mới chỉ là bắt đầu. Những gì chúng ta đã và đang làm còn quá ít so với kho tàng văn hoá nghệ thuật dân gian rất đa dạng, phong phú của người Chăm. Từ năm 1998, Nghị quyết 5 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII về xây dựng một "nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" đã mở ra những hướng đi mới, trong đó có vấn đề bảo tồn, phát huy văn hoá, nghệ thuật dân gian các dân tộc. Tuy nhiên, có một thực tế là những tư liệu văn hoá dân gian Chăm cổ truyền (cả vật thể và phi vật thể) đang thất truyền hàng ngày hàng giờ. Những nghệ nhân như cụ Thạch Tiềm, người đánh trống ghinăng nổi tiếng nhất, đã ra đi vĩnh viễn mang theo những bài trống và phong cách biểu diễn tuyệt vời có một không hai. Nghệ nhân đa tài về điêu khắc hay nghệ nhân sử dụng được nhiều loại nhạc cụ Chăm như ông Trương Tồn, Lại Xuân Điểm... và các nữ nghệ nhân biết hát ru, hát ariya (trường ca), biết múa cổ truyền Chăm nay đều đã lớn tuổi. Chương trình văn hoá phi vật thể của Bộ Văn hoá - Thông tin tuy đã được triển khai hơn ba năm nhưng còn quá khiêm tốn, trong khi văn hoá phi vật thể lại quá phong phú và đa dạng.

Vì vậy, cần cấp thiết tăng cường đầu tư nhiều hơn nữa trong việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn, và ứng dụng, phát huy kho báu di sản văn hoá dân gian Chăm, nhằm góp phần vào sự nghiệp xây dựng một nền nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.